TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số 179/2025/HNGĐ - ST
Ngày 30 – 9- 2025
v/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bé;
2. Bà Lê Thị Nguyệt.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tố Uyên là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Sơn L, sinh năm 1988; trú tại: Ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là: Ấp V, xã N, Thành phố Cần Thơ), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Sơn Thị L1, sinh năm 1993; thường trú: A L, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là: A L, phường P, Thành phố Cần Thơ; tạm trú: 33/5 đường B khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: 33/5 đường B khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Sơn L trình bày:

Ông Sơn L và bà Sơn Thị Lương T đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã N, Thành phố Cần Thơ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 04/5/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Sơn L chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng

quan điểm sống nên thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau khiến cho gia đình không hạnh phúc. Ông L thừa nhận có tham gia uống rượu bia với bạn bè, bà L1 không đồng ý, luôn coi thường, chửi bới xúc phạm, đuổi ra khỏi nhà nên ông L đã chuyển ra sống riêng từ cuối năm 2024 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông L và bà L1 có 02 người con chung tên Sơn Gia P, sinh ngày 01/12/2011 và Sơn Thị Gia H, sinh ngày 18/9/2016.

Tại đơn khởi kiện, ông L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung và yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng/02 con.

Quá trình tố tụng, ông L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Sơn Gia P và yêu cầu giao con chung Sơn Gia H cho bà L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Căn cước công dân của ông L, Giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh của cháu P và H và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Sơn Thị L1 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, điều kiện tiến đến hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên đã xảy ra gây gỗ, cãi vã nhau và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau, không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Bà L1 xác định không còn tình cảm với ông L nhưng không đồng ý ly hôn.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà và ông L ly hôn thì bà yêu cầu giao cho ông L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Sơn Gia P, và bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Sơn Gia H. Do cả hai đều trực tiếp nuôi con nên không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân do các đương sự xác định đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã sống ly thân, không mong muốn hàn gắn đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn.

Về con chung, ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, giao cháu H cho bà L1 được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của các cháu và bà L1 cũng thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của các đương sự: Trong vụ án, ông Sơn L và bà Sơn Thị L1 vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Sơn L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn bà Sơn Thị L1 nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Sơn Thị L1 có nơi cư trú tại: 3 đường B khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: 33/5 đường B khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Sơn L và bà Sơn Thị Lương T đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 04/5/2011 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (UBND xã N, Thành phố Cần Thơ) nên quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà L1 là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa ông L và bà L1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn khiến cho đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn bà Sơn Thị L1 không đồng ý.

Xét, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn để duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà L1 không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Cả hai xác định không còn tình cảm vợ chồng, đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau và không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Sơn L.

[3.2] Về con chung: Ông L và bà L1 có 02 con chung tên Sơn Gia P, sinh ngày 01/12/2011 và Sơn Thị Gia H, sinh ngày 18/9/2016.

Ông L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sơn Gia P; giao cho bà L1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sơn Thị Gia H và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con, bà L1 thống nhất đồng thời yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của cháu P, cháu H nên căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sơn L.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 238, 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sơn L về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với bị đơn bà Sơn Thị L1.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Sơn L được ly hôn với bà Sơn Thị L1.

- Về con chung: Giao cho ông Sơn L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Sơn Gia P, sinh ngày 01/12/2011 và giao cho bà Sơn Thị L1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Sơn Thị Gia H, sinh ngày 18/9/2016.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Sơn L và bà Sơn Thị L1 về việc không yêu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Sơn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001813 ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16- Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16- Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Khánh Linh